

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Trụ sở văn phòng : 156-158 Phó Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3999 00 91-97 Fax : +84 (28) 3999 00 90
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019	12 - 42
7. Phụ lục – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	43



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 18 ngày 21 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (28) 38 966 819
- Fax : + 84 (28) 38 963 210
- Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 4 6 2 6

• Thông tin về chi nhánh

1. Trạm xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301444626-030; hạch toán phụ thuộc;
2. Trạm xăng dầu số 11 tại đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-029; hạch toán phụ thuộc;
3. Trạm xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-028; hạch toán phụ thuộc;
4. Trạm xăng dầu số 14 tại tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301444626-032; hạch toán phụ thuộc;
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-034; hạch toán phụ thuộc;
6. Trạm xăng dầu Long Bình tại 90 Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-040; hạch toán phụ thuộc;
7. Trạm xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-042; hạch toán phụ thuộc;
8. Trạm xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-019; hạch toán phụ thuộc;
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-037; hạch toán phụ thuộc;
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-046; hạch toán phụ thuộc;
11. Trạm xăng dầu số 1 tại 744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-017; hạch toán phụ thuộc;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

12. Trạm xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-039; hạch toán phụ thuộc;
13. Trạm xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-033; hạch toán phụ thuộc;
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ tại 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-001; hạch toán phụ thuộc;
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-036; hạch toán phụ thuộc;
16. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-044; hạch toán phụ thuộc;
17. Trạm xăng dầu số 19 tại 54/1B Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-045; hạch toán phụ thuộc;
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-004; hạch toán phụ thuộc;
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-005; hạch toán phụ thuộc;
20. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Palace tại 746 Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-006; hạch toán phụ thuộc;
21. Cửa hàng xăng dầu số 4 tại 236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-007; hạch toán phụ thuộc;
22. Cửa hàng xăng dầu số 2 tại 139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-008; hạch toán phụ thuộc;
23. Cửa hàng xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-009; hạch toán phụ thuộc;
24. Trạm xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-010; hạch toán phụ thuộc;
25. Cửa hàng xăng dầu số 8 tại thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301444626-011; hạch toán phụ thuộc;
26. Trạm xăng dầu số 9 tại 22/12 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-043; hạch toán phụ thuộc;
27. Trạm rửa xe số 5 tại 02 Tân Lập, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-038; hạch toán phụ thuộc;
28. Cửa hàng thương mại số 1 tại 1A Đoàn Công Hớn, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-041; hạch toán phụ thuộc;
29. Cửa hàng xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-012; hạch toán phụ thuộc;
30. Cửa hàng xăng dầu số 15 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-013; hạch toán phụ thuộc;
31. Siêu thị điện máy 30-4 tại số 01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-015; hạch toán phụ thuộc.
32. Cửa hàng xăng dầu số 18 tại Quốc lộ 1A, thôn Phú Sơn, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, mã số chi nhánh 0301444626-031; hạch toán phụ thuộc;
33. Cửa hàng xăng dầu số 20 tại 1459 Quốc lộ 1K, khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-016; hạch toán phụ thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

34. Cửa hàng xăng dầu số 16 tại 189 Xã lộ Hà Nội, Khu phố 3, phường Phước Long A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh; mã số kinh doanh 0301444626-021; hạch toán phụ thuộc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Khánh Hưng	Chủ tịch	24/04/2018	-
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	24/04/2018	-

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	24/04/2018	-
Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Phạm Khắc Vũ Thụy	Thành viên	24/04/2018	-

4.3 Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc	25/11/2016	-
Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng	15/04/2016	-

5. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	-

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động (riêng) và tình hình tài chính (riêng) của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ từ trang 08 đến trang 43.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng), kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng).
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) năm trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (riêng), tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

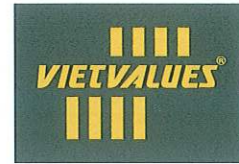
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2019.

T.M. Hội đồng Quản trị



VÕ KHÁNH HƯNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 2246/19/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 7 năm 2019, từ trang 8 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ theo chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ rằng, phạm vi của báo cáo tài chính này chỉ phản ánh tình hình tài chính và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 cũng như kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019. Việc hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức với các công ty con, công ty liên kết không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN số: 1512-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- *Như trên.*
- *Lưu VIETVALUES.*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		150.033.623.550	103.462.583.181
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	32.664.994.259	34.685.399.785
111	1. Tiền		32.664.994.259	34.685.399.785
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	2.847.348.752	2.912.167.752
121	1. Chứng khoán kinh doanh		4.218.439.741	4.219.051.088
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.371.090.989)	(1.306.883.336)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.952.644.445	27.094.924.745
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	31.974.414.878	23.764.439.897
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	4.091.426.814	998.412.510
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	1.886.802.753	2.332.072.338
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	76.568.636.094	38.743.090.897
141	1. Hàng tồn kho		76.568.636.094	38.743.090.897
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	27.000.002
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	27.000.002
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		186.341.978.393	189.766.706.645
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		166.558.710.095	169.131.361.223
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	55.737.785.810	57.436.484.942
222	- Nguyên giá		134.965.842.649	133.423.791.194
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(79.228.056.839)	(75.987.306.252)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	110.820.924.285	111.694.876.281
228	- Nguyên giá		126.362.119.803	126.362.119.803
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.541.195.518)	(14.667.243.522)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.9	7.695.889.316	7.938.917.402
231	- Nguyên giá		12.203.241.726	12.203.241.726
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.507.352.410)	(4.264.324.324)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.374.970.182	3.374.970.182
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	3.374.970.182	3.374.970.182
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	7.295.531.601	7.295.531.601
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.430.000.000	2.430.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.012.871.000	9.012.871.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.147.339.399)	(4.147.339.399)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.416.877.199	2.025.926.237
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	863.215.494	1.453.601.772
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.12	553.661.705	572.324.465
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		336.375.601.943	293.229.289.826

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		139.370.659.607	84.219.814.939
310	I. Nợ ngắn hạn		134.383.231.149	78.155.149.691
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	54.125.797.286	51.195.099.028
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	1.252.145.574	692.805.945
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	4.154.572.081	2.985.286.666
314	4. Phải trả người lao động	V.16	21.399.193.748	13.482.155.775
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	2.944.464.496	3.286.873.998
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18a	604.444.809	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	4.606.492.252	4.462.002.594
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	35.743.300.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	9.552.820.903	2.050.925.685
330	II. Nợ dài hạn		4.987.428.458	6.064.665.248
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.18b	359.078.972	1.436.315.762
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.19b	71.349.486	71.349.486
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	V.22	4.557.000.000	4.557.000.000
343	7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		197.004.942.336	209.009.474.887
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.23	197.004.942.336	209.009.474.887
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.000.000.000	124.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		124.000.000.000	124.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.458.121.096	27.458.121.096
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		28.559.631.451	26.018.941.611
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.987.189.789	31.532.412.180
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		8.674.546.122	4.747.286.263
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		8.312.643.667	26.785.125.917
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		336.375.601.943	293.229.289.826

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

VIÊN THIÊN KHANH

HOÀNG ĐÌNH SƠN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.217.660.664.577	1.326.541.264.029
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	1.129.025.360	498.595.436
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.216.531.639.217	1.326.042.668.593
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	1.144.252.449.128	1.238.694.797.343
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		72.279.190.089	87.347.871.250
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	1.439.062.233	1.547.451.477
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	592.752.853	263.363.601
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		518.909.194	526.297.370
24	9. Chi phí bán hàng	VI.6	41.460.154.968	43.053.860.140
25	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	21.881.050.256	20.771.826.013
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.784.294.245	24.806.272.973
31	12. Thu nhập khác		896.297.546	330.586.835
32	13. Chi phí khác		233.045.459	437.486.927
40	14. Lợi nhuận khác		663.252.087	(106.900.092)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.447.546.332	24.699.372.881
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	2.134.902.665	4.950.041.759
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.312.643.667	19.749.331.122
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	-	-
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7	-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc





NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

VIÊN THIÊN KHANH

HOÀNG ĐÌNH SƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.447.546.332	24.699.372.881
	2. Điều chỉnh cho các khoản		4.679.698.000	3.921.774.222
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		4.357.730.669	5.198.906.892
03	- Các khoản dự phòng		64.207.653	(674.625.036)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(261.149.516)	(1.128.805.004)
06	- Chi phí lãi vay		518.909.194	526.297.370
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.127.244.332	28.621.147.103
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(10.839.056.940)	(4.261.609.448)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(37.825.545.197)	22.909.560.118
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11.065.665.485	(44.840.708.371)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		617.386.280	590.386.295
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		611.347	1.618.220.299
14	- Tiền lãi vay đã trả		(497.365.287)	(573.140.658)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.401.444.014)	(2.813.649.487)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.262.560.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.582.482.040)	(8.330.568.752)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(25.334.986.034)	(5.817.202.901)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.542.051.455)	(1.477.488.182)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	41.692.537.483
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	1.155.024.830
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		273.331.963	392.426.647
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.268.719.492)	39.762.500.778
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		263.108.700.000	239.251.500.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(227.365.400.000)	(276.043.500.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.160.000.000)	(9.197.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		24.583.300.000	(45.989.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(2.020.405.526)	(12.043.702.123)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		34.685.399.785	27.512.262.352
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	32.664.994.259	15.468.560.229

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Giám Đốc

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

VIÊN THIÊN KHANH

HOÀNG ĐÌNH SƠN

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh xe gắn máy.
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị.
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng.
- Sắt thép, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trạm xăng dầu số 12	44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
2. Trạm xăng dầu số 11	Đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
3. Trạm xăng dầu số 10	10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
4. Trạm xăng dầu số 14	Tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2	7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
6. Trạm xăng dầu Long Bình	90, Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
7. Trạm xăng dầu số 6	740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
8. Trạm xăng dầu số 3	228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy	719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú	392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
11. Trạm xăng dầu số 1	744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
12. Trạm xăng dầu Linh Xuân	507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
13. Trạm xăng dầu số 7	77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ	2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy	701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
16. Cửa hàng thương mại số 2	507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
17. Trạm xăng dầu số 19	54/1 Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1	1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A	740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
20. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Palace	746 Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
21. Cửa hàng xăng dầu số 4	236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
22. Cửa hàng xăng dầu số 2	139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
23. Cửa hàng xăng dầu Long Trường	21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
24. Cửa hàng xăng dầu số 5	163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
25. Cửa hàng xăng dầu số 8	Thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
26. Cửa hàng xăng dầu số 9	22/12 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
27. Trạm rửa xe số 5	02 Tân Lập, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
28. Cửa hàng thương mại số 1	1A Đoàn Công Hớn, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
29. Cửa hàng xăng dầu số 9	85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
30. Cửa hàng xăng dầu số 15	1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
31. Siêu thị điện máy 30-4	01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
32. Cửa hàng xăng dầu số 18	Quốc lộ 1A, thôn Phú Sơn, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận
33. Cửa hàng xăng dầu số 20	1459 Quốc lộ 1K, khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
34. Cửa hàng xăng dầu số 16	189 Xa lộ Hà Nội, Khu phố 3, phường Phước Long A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 352 nhân viên đang làm việc, tại ngày đầu năm có 369 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	6.150.841.093	9.448.590.473
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.917.789.166	24.611.276.612
- Tiền đang chuyển	596.364.000	625.532.700
Cộng	32.664.994.259	34.685.399.785

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
- Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau (CMV)	1.074.542.224	1.122.943.000	-	1.074.542.224	1.135.925.000	-
- Công ty CP Vật tư xăng dầu (COM)	585.538.344	1.150.250.000	-	585.538.344	1.171.750.000	-
- Công ty CP Thép Pomina (POM)	479.473.051	133.756.700	(345.716.351)	479.473.051	185.115.700	(294.357.351)
- Tổng Công ty CP Phong Phú (PPH)	662.700.000	813.100.000	-	662.700.000	752.000.000	-
- Công ty CP Thép Nhà Bè (TNB)	678.026.087	200.690.000	(477.336.087)	678.026.087	184.240.000	(493.786.087)
- Công ty CP Lương thực Vĩnh Long (VLF)	607.678.551	59.640.000	(548.038.551)	608.289.898	89.550.000	(518.739.898)
- Công ty CP Dệt Việt Thắng (TVT)	130.481.484	323.700.000	-	130.481.484	340.600.000	-
Cộng	4.218.439.741	3.804.079.700	(1.371.090.989)	4.219.051.088	3.859.180.700	(1.306.883.336)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty CP Lương thực Vĩnh Long giảm do bán bớt 100 cổ phiếu.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Số đầu năm	(1.306.883.336)	(6.751.360.464)
Trích lập dự phòng bổ sung	(80.657.653)	(51.956.249)
Hoàn nhập dự phòng	16.450.000	726.581.285
Số cuối kỳ	(1.371.090.989)	(6.076.735.428)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	2.430.000.000	2.336.054.100	(93.945.900)	2.430.000.000	2.336.054.100	(93.945.900)
- Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt ⁽¹⁾	2.430.000.000	2.336.054.100	(93.945.900)	2.430.000.000	2.336.054.100	(93.945.900)
Đầu tư vào đơn vị khác	9.012.871.000	4.959.477.501	(4.053.393.499)	9.012.871.000	4.959.477.501	(4.053.393.499)
- Công ty CP Dệt Đông Á ⁽²⁾	897.500.000	-	(897.500.000)	897.500.000	-	(897.500.000)
- Công ty CP XNK Vĩnh Long ⁽³⁾	339.000.000	-	(339.000.000)	339.000.000	-	(339.000.000)
- Công Ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec ⁽⁴⁾	4.186.371.000	1.369.477.501	(2.816.893.499)	4.186.371.000	1.369.477.501	(2.816.893.499)
- Công ty CP Pvoil Sài Gòn ⁽⁵⁾	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
- Công ty CP Dệt Việt Thắng	-	-	-	-	-	-
- CTY TNHH Ba Tháng Hai ⁽⁶⁾	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-
Cộng	11.442.871.000	7.295.531.601	(4.147.339.399)	11.442.871.000	7.295.531.601	(4.147.339.399)

(1) Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311346480 ngày 20/05/2013 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt với vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 2.430.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 83,33% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.430.000.000 đồng, tương ứng 83,33% vốn điều lệ).

(2) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 897.500.000 đồng, tương ứng nắm giữ 0,88% vốn điều lệ (số đầu năm là 897.500.000 đồng, tương ứng 20% vốn điều lệ).

(3) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 339.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 0,65% vốn điều lệ (số đầu năm là 339.000.000 đồng, tương ứng 0,65% vốn điều lệ).

(4) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 4.186.371.000 đồng, tương ứng nắm giữ 0,08% vốn điều lệ (số đầu năm là 4.186.371.000 đồng, tương ứng 0,08% vốn điều lệ).

(5) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 3.500.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 1,75% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.500.000.000 đồng, tương ứng 1,75% vốn điều lệ).

(6) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 90.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 20% vốn điều lệ (số đầu năm là 90.000.000 đồng, tương ứng 20% vốn điều lệ). Hàng tháng, Công ty nhận mức lãi cố định từ Công ty TNHH Ba Tháng Hai với số tiền là 900.000 đồng/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Số đầu năm	(4.147.339.399)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(4.147.339.399)	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Chủ yếu là khoản phải thu bán xăng dầu cho khách hàng.		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu của bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	31.974.414.878	23.764.439.897
- Công ty TNHH MTV Ngọc Qui	1.490.640.000	798.700.000
- Công ty TNHH SX DV Vận tải Thái Khôn	1.370.720.569	1.213.002.209
- Công ty CP Vận tải Transimex	1.169.344.140	706.538.450
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.058.267.335	105.638.540
- Các đối tượng khác	26.885.442.834	20.940.560.698
Cộng	31.974.414.878	23.764.439.897
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	2.891.070.394	-
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	2.891.070.394	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.200.356.420	998.412.510
- Công ty Honda Việt Nam – Chi nhánh TP HCM	577.820.755	641.929.845
- Các đối tượng khác	622.535.665	356.482.665
Cộng	4.091.426.814	998.412.510

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.886.802.753</i>	<i>-</i>	<i>2.332.072.338</i>	<i>-</i>
- Phải thu Honda Việt Nam	27.887.500	-	34.584.500	-
- Ký quỹ ngắn hạn	1.536.583.800	-	1.536.583.800	-
- Tạm ứng ngắn hạn	214.230.000	-	20.000.000	-
- Phải thu khác	108.101.453	-	740.904.038	-
Cộng	1.886.802.753	-	2.332.072.338	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	132.245.048	-	132.245.048	-
- Hàng hóa ^(*)	76.436.391.046	-	38.610.845.849	-
Cộng	76.568.636.094	-	38.743.090.897	-

(*) Hàng hóa chủ yếu là xăng dầu, xe máy, điện máy gia dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	94.458.277.007	22.035.101.604	16.071.459.064	858.953.519	133.423.791.194
Mua trong kỳ	794.751.455	-	747.300.000	-	1.542.051.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	95.253.028.462	22.035.101.604	16.818.759.064	858.953.519	134.965.842.649
<i>Nguyên giá đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>19.155.132.867</i>	<i>15.849.101.654</i>	<i>7.355.789.562</i>	<i>727.406.794</i>	<i>43.087.430.877</i>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	44.261.500.040	19.282.079.253	11.691.657.726	752.069.233	75.987.306.252
Khấu hao trong kỳ	2.089.520.004	536.049.922	591.609.310	23.571.351	3.240.750.587
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	46.351.020.044	19.818.129.175	12.283.267.036	775.640.584	79.228.056.839
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	50.196.776.967	2.753.022.351	4.379.801.338	106.884.286	57.436.484.942
Số cuối kỳ	48.902.008.418	2.216.972.429	4.535.492.028	83.312.935	55.737.785.810

*Trong đó:**- Giá trị còn lại của các TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay: 4.772.940.052 đồng.*

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	56.189.779.636	69.238.100.167	934.240.000	126.362.119.803
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	56.189.779.636	69.238.100.167	934.240.000	126.362.119.803
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	14.203.099.518	464.144.004	14.667.243.522
Khấu hao trong kỳ	-	815.189.994	58.762.002	873.951.996
Số cuối kỳ	-	15.018.289.512	522.906.006	15.541.195.518
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	56.189.779.636	55.035.000.649	470.095.996	111.694.876.281
Số cuối kỳ	56.189.779.636	54.219.810.655	411.333.994	110.820.924.285

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 346.620.000 đồng.

- Giá trị còn lại của các TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay: 14.303.182.056 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)**9. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	12.203.241.726	12.203.241.726
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	12.203.241.726	12.203.241.726
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	4.264.324.324	4.264.324.324
Khấu hao trong kỳ	243.028.086	243.028.086
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	4.507.352.410	4.507.352.410
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	7.938.917.402	7.938.917.402
Số cuối kỳ	7.695.889.316	7.695.889.316

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 51.837.500 đồng.

- Giá trị còn lại của các TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay: 7.695.889.316 đồng.

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có các quy định về việc xác định giá trị hợp lý.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Trung tâm Thương mại dịch vụ Thủ Đức	12.151.404.226	4.455.514.910	7.695.889.316
- Cửa hàng 2/9 chợ Bình Triệu	51.837.500	51.837.500	-
Cộng	12.203.241.726	4.507.352.410	7.695.889.316

Doanh thu nhận được từ việc cho thuê các bất động sản đầu tư trong năm là 1.197.236.790 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Xây dựng CHXD số 16	3.374.970.182	-	-	(300.000.000)	3.074.970.182
- Xây dựng CHXD số 17	-	300.000.000	-	-	300.000.000
Cộng	3.374.970.182	300.000.000	-	(300.000.000)	3.374.970.182

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ sử dụng của nhà hàng Rose	655.260.947	996.101.771
- Chi phí trả trước dài hạn khác	207.954.547	457.500.001
Cộng	863.215.494	1.453.601.772

Tình hình biến động chi phí trả trước:

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Số đầu năm	1.453.601.772	2.634.374.345
Tăng trong kỳ	-	-
Phân bổ trong kỳ	(590.386.278)	(590.386.295)
Số cuối kỳ	863.215.494	2.043.988.050

12. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí phân bổ của các tài sản dùng để hợp tác kinh doanh ^(*)	553.661.705	572.324.465
Cộng	553.661.705	572.324.465

^(*) Đây là giá trị còn lại của các tài sản, vật tư dùng để thực hiện hợp tác kinh doanh với Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002.

Hình thức hợp tác kinh doanh: tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức điều hành, ghi kế toán hoạt động kinh doanh này.

Thời gian hoạt động của dự án: 30 năm.

Tài sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Phân chia lợi ích: Công ty nhận khoản lãi cố định hàng tháng, tổng số lãi Công ty đã ghi nhận trong kỳ là 1.146.807.270 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>45.799.960.000</i>	<i>40.767.444.600</i>
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. HCM	33.066.600.000	21.359.180.000
- Tổng Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP	12.733.360.000	-
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	-	19.408.264.600
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>8.325.837.286</i>	<i>10.427.654.428</i>
- Công ty Honda Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	1.314.073.609	1.844.438.850
- Các đối tượng khác	7.011.763.677	8.583.215.578
Cộng	<u>54.125.797.286</u>	<u>51.195.099.028</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.252.145.574</i>	<i>692.805.945</i>
- Công ty TNHH Mễ Tân	491.400.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Lai	173.380.000	-
- Các đối tượng khác	587.365.574	692.805.945
Cộng	<u>1.252.145.574</u>	<u>692.805.945</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.317.394.555	-	3.081.759.325	(2.534.312.010)	1.864.841.870	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.354.479.676	-	2.194.463.643	(1.401.444.014)	2.147.499.305	-
- Thuế thu nhập cá nhân	313.412.435	-	1.199.781.588	(1.370.963.117)	142.230.906	-
- Thuế môn bài	-	-	29.000.000	(29.000.000)	-	-
- Khoản thuế khác	-	-	3.611.019.216	(3.611.019.216)	-	-
Cộng	<u>2.985.286.666</u>	<u>-</u>	<u>10.116.023.772</u>	<u>(8.946.738.357)</u>	<u>4.154.572.081</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.447.546.332	24.699.372.881
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	233.045.315	401.485.913
- Các khoản điều chỉnh giảm	(240.900.000)	(350.650.000)
Thu nhập chịu thuế	10.439.691.647	24.750.208.794
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.087.938.327	4.950.041.759
Truy thu Thuế TNDN của năm trước	46.964.338	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.134.902.665	4.950.041.759
Thuế TNDN nộp thay cho bên liên doanh	59.560.978	59.783.761
Tổng Thuế TNDN phải nộp	2.194.463.643	5.009.825.520

16. Phải trả người lao động

Quỹ lương trong năm được tạm trích theo Tờ trình số 255/TTr-TMC ngày 08 tháng 07 năm 2019 của Công ty CP TM XNK Thủ Đức về việc xác định Quỹ lương kế hoạch cho người lao động và cán bộ quản lý năm 2019.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền thuê đất phải trả	722.920.589	3.286.873.998
- Chi phí nghỉ mát và khám sức khỏe năm 2019	2.200.000.000	-
- Lãi vay phải trả	21.543.907	-
Cộng	2.944.464.496	3.286.873.998

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn và dài hạn**18a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	604.444.809	-
- Công ty TNHH Mễ Tân - tiền trả trước về bán phiếu xăng	604.444.809	-
Cộng	604.444.809	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	359.078.972	1.436.315.762
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	359.078.972	1.436.315.762
Cộng	359.078.972	1.436.315.762

19. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	4.606.492.252	4.462.002.594
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.499.500.000	3.549.500.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.106.992.252	912.502.594
Cộng	4.606.492.252	4.462.002.594

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	71.349.486	71.349.486
- Vốn góp của Liên doanh Long Bình (*)	71.349.486	71.349.486
Cộng	71.349.486	71.349.486

(*) Là khoản nhận vốn góp liên doanh của Nguyễn Thị Nghiệp theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho Nguyễn Thị Nghiệp là 28,5%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>35.743.300.000</i>	<i>35.743.300.000</i>	-	-
- NH TMCP Đầu tư Phát triển – CN Đông Sài Gòn ⁽¹⁾	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quận 9 ⁽²⁾	15.743.300.000	15.743.300.000	-	-
Cộng	35.743.300.000	35.743.300.000	-	-

⁽¹⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/361031/HĐTD ngày 03 tháng 06 năm 2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Hạn mức tín dụng: 90.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/361031/HĐTD ngày 30 tháng 05 năm 2018); Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay: tùy từng lần nhận nợ. Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình dùng thế chấp cho khoản vay này là 12.002.303.128 đồng.

⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01-0096/GDI.KH/LD18 ngày 27 tháng 03 năm 2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 9; Hạn mức cho vay: 30.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng; Lãi suất vay: tùy từng lần nhận nợ. Giá trị còn lại của Tài sản bất động sản đầu tư dùng thế chấp cho khoản vay này là 10.261.185.792 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay		Số cuối kỳ
		phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	263.108.700.000	(227.365.400.000)	35.743.300.000
Cộng	-	263.108.700.000	(227.365.400.000)	35.743.300.000

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích		Số cuối kỳ
		lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	2.050.925.685	8.907.176.218	(1.405.281.000)	9.552.820.903
Cộng	2.050.925.685	8.907.176.218	(1.405.281.000)	9.552.820.903

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Đây là khoản trích chi phí phải trả về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại điều 5, Thông tư 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu****23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở *Phụ lục* đính kèm.**23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV (PVOIL)	63.257.300.000	51,01	63.257.300.000	51,01
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	18.471.600.000	14,90	18.471.600.000	14,90
- Vốn góp của các đối tượng khác	42.271.100.000	34,09	42.271.100.000	34,09
Cộng	124.000.000.000	100,00	124.000.000.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
		124.000.000.000	124.000.000.000
Cộng	124.000.000.000	124.000.000.000	-

23c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	124.000.000.000	124.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	124.000.000.000	124.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.160.000.000	8.680.000.000

23d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)**23e. Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

23f. Phân phối lợi nhuận

- Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 29/03/2019 như sau:

• Trích quỹ thưởng Ban Quản lý	:	530.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	8.627.176.218
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	2.540.689.840
• Tạm ứng cổ tức đợt 1 trong năm 2018	:	2.480.000.000
• Chia cổ tức còn lại cho các cổ đông trong năm 2019	:	11.160.000.000
Cộng	:	25.337.866.058

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Doanh thu bán hàng hóa	1.208.797.259.723	1.263.395.956.352
+Doanh thu bán xăng dầu	1.093.257.738.582	1.128.797.491.247
+Doanh thu bán xe máy	55.073.866.330	55.845.061.677
+Doanh thu bán sắt thép	12.387.341.856	18.243.341.656
+ Điện máy, điện tử gia dụng	47.348.741.358	59.925.483.920
+ Doanh thu bán gas	729.571.597	584.577.852
- Doanh thu dịch vụ tiệc cưới	5.361.816.539	5.295.917.271
- Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	53.918.456.727
- Doanh thu cho thuê mặt bằng và khác	3.501.588.315	3.432.338.243
Cộng	1.217.660.664.577	1.326.042.668.593

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Giảm giá hàng bán	1.028.464.452	454.132.249
- Hàng bán bị trả lại	100.560.908	44.463.187
Cộng	1.129.025.360	498.595.436

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>6 tháng đầu năm 2019</u>	<u>6 tháng đầu năm 2018</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.141.152.002.847	1.194.289.878.951
+ Giá vốn bán xăng dầu	1.040.004.381.258	1.079.012.427.363
+ Giá vốn bán xe máy	47.978.560.795	46.395.223.492
+ Giá vốn bán sắt thép	11.564.561.007	17.040.950.962
+ Điện máy, điện gia dụng	40.891.453.391	51.261.552.075
+ Giá vốn bán gas	724.442.133	579.725.059
- Giá vốn của dịch vụ tiệc cưới	2.846.022.458	2.469.352.823
- Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	41.692.537.483
- Giá vốn cho thuê mặt bằng và khác	243.028.086	243.028.086
Cộng	<u><u>1.144.252.449.128</u></u>	<u><u>1.238.694.797.343</u></u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>6 tháng đầu năm 2019</u>	<u>6 tháng đầu năm 2018</u>
- Lãi tiền gửi	32.431.963	41.776.647
- Cổ tức lợi nhuận được chia	240.900.000	350.650.000
- Chuyển nhượng chứng khoán	-	23.535.696
- Thu từ hợp tác kinh doanh	1.146.807.270	1.110.818.184
- Doanh thu tài chính khác	18.923.000	20.670.950
Cộng	<u><u>1.439.062.233</u></u>	<u><u>1.547.451.477</u></u>

5. Chi phí tài chính

	<u>6 tháng đầu năm 2019</u>	<u>6 tháng đầu năm 2018</u>
- Lãi tiền vay	518.909.194	526.297.370
- Lỗ do chuyển nhượng chứng khoán	541.487	-
- Trích dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	80.657.653	51.956.249
- Hoàn nhập đầu tư tài chính	(16.450.000)	(726.581.285)
- Chi phí tài chính khác	9.094.519	411.691.267
Cộng	<u><u>592.752.853</u></u>	<u><u>263.363.601</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Chi phí nhân viên	29.544.562.155	27.439.751.448
- Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	2.225.573.111	2.594.137.667
- Chi phí khấu hao	3.843.346.904	4.667.297.369
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.252.577.065	7.396.172.946
- Chi phí bằng tiền khác	594.095.733	956.500.710
Cộng	41.460.154.968	43.053.860.140

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Chi phí nhân viên	16.283.785.681	14.423.174.076
- Chi phí vật liệu quản lý	310.109.666	440.129.609
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.448.223	282.673.981
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.028.952.776	4.546.334.399
- Chi phí bằng tiền khác	992.753.910	1.079.513.948
Cộng	21.881.050.256	20.771.826.013

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức vì đây là Công ty mẹ. Căn cứ vào Điều 3.19 Khoản 3 Điều 113 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.535.682.777	3.034.267.276
- Chi phí nhân công	45.828.347.836	41.862.925.524
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.351.823.213	5.198.906.892
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.281.529.841	11.942.507.345
- Chi phí khác	1.586.849.643	2.036.014.658
Cộng	63.584.233.310	63.825.686.153

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐƠN VỊ TÍNH: VND)**1. Tiền thu từ đi vay**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	263.108.700.000	239.251.500.000
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	263.108.700.000	239.251.500.000

2. Tiền trả nợ gốc vay

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(227.365.400.000)	(276.043.500.000)
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	(227.365.400.000)	(276.043.500.000)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2019
- Lương, thưởng, thù lao và khác	2.409.380.808	2.865.743.250
- Cổ tức nhận được	201.465.000	176.286.750
Cộng	2.610.845.808	3.042.030.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)	Cùng là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)	Là cổ đông có vốn góp lớn (chiếm 14,90% vốn điều lệ của Công ty)
- Tổng Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP (Petec)	Cùng là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty CP (PVOIL)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)		
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	399.186.418.174	468.968.241.444
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải trả tại ngày 30/06/2019	-	19.408.264.600
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)		
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	617.046.382.270	550.373.045.914
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải trả tại ngày 30/06/2019	33.066.600.000	21.359.180.000
- Tổng Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP (Petec)		
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	73.709.965.000	76.905.950.000
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải trả tại ngày 30/06/2019	12.733.360.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)**2. Báo cáo bộ phận***- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**6 tháng đầu năm 2019*

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	1.092.229.274.130	1.040.004.381.258	52.224.892.872	4,78%
Xe máy	55.073.866.330	47.978.560.795	7.095.305.535	12,88%
Sắt thép	12.387.341.856	11.564.561.007	822.780.849	6,64%
Hàng hóa điện máy	47.248.180.450	40.891.453.391	6.356.727.059	13,45%
Gas	729.571.597	724.442.133	5.129.464	0,70%
Dịch vụ tiệc cưới	5.361.816.539	2.846.022.458	2.515.794.081	46,92%
Cho thuê mặt bằng và khác	3.501.588.315	243.028.086	3.258.560.229	93,06%
Chuyển nhượng dự án	-	-	-	-
Cộng	1.216.531.639.217	1.144.252.449.128	72.279.190.089	5,94%

6 tháng đầu năm 2018

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	1.128.797.491.247	1.079.012.427.363	49.785.063.884	4,41%
Xe máy	55.845.061.677	46.395.223.492	9.449.838.185	16,92%
Sắt thép	18.243.341.656	17.040.950.962	1.202.390.694	6,59%
Hàng hóa điện máy	59.925.483.920	51.261.552.075	8.663.931.845	14,46%
Gas	584.577.852	579.725.059	4.852.793	0,83%
Dịch vụ tiệc cưới	5.295.917.271	2.469.352.823	2.826.564.448	53,37%
Cho thuê mặt bằng và khác	3.432.338.243	243.028.086	3.189.310.157	92,92%
Chuyển nhượng dự án	53.918.456.727	41.692.537.483	12.225.919.244	22,67%
Cộng	1.326.042.668.593	1.238.694.797.343	87.347.871.250	6,59%

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

3. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2019.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Giám đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
 Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ (tiếp theo)

PHỤ LỤC: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018							
Tại ngày 01/01/2018	124.000.000.000	-	27.458.121.096	24.059.932.101	-	20.143.703.445	195.661.756.642
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.959.009.510	-	19.749.331.122	21.708.340.632
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	19.749.331.122	19.749.331.122
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	1.959.009.510	-	1.959.009.510	1.959.009.510
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	(17.876.417.182)	(17.876.417.182)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(1.959.009.510)	(1.959.009.510)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.720.407.672)	(6.720.407.672)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.680.000.000)	(8.680.000.000)
- Thương HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(517.000.000)	(517.000.000)
Tại ngày 30/06/2018	124.000.000.000	-	27.458.121.096	26.018.941.611	-	22.016.617.385	199.493.680.092
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019							
Tại ngày 01/01/2019	124.000.000.000	-	27.458.121.096	26.018.941.611	-	31.532.412.180	209.009.474.887
Tăng trong kỳ	-	-	-	2.540.689.840	-	8.312.643.667	10.853.333.507
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	8.312.643.667	8.312.643.667
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	2.540.689.840	-	-	2.540.689.840
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	(22.857.866.058)	(22.857.866.058)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(2.540.689.840)	(2.540.689.840)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.907.176.218)	(8.907.176.218)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(11.160.000.000)	(11.160.000.000)
- Thương HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	124.000.000.000	-	27.458.121.096	28.559.631.451	-	16.987.189.789	197.004.942.336

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2019.

Người lập biểu

(Signature)

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng

(Signature)

VIÊN THIÊN KHANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2019.

Giám đốc



HOÀNG ĐÌNH SON